

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL biến động giằng co trong phiên hôm nay

[Thông tin doanh nghiệp]

VSC, DXG

[Cập nhật công ty]

MBB, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh các quyết định mua đuổi, linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ

16/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,274.69	+0.04
VN30	1,295.10	+0.10
HĐTL VN30F1M	1,296.90	+0.30
HNXIndex	303.02	-0.31
HNX30	561.19	-0.41
UPCoM	92.84	+0.22
USD/VND	23,406	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.47	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.52	+25
Dầu (WTI, \$)	88.52	-1.00
Vàng (LME, \$)	1,775.13	-0.26



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,274.69 (+0.04%)
KLGD (triệu CP) 617.7 (+11.8%)
GTGD (triệu US\$) 638.5 (-3.7%)

HNXIndex 303.02 (-0.31%)
KLGD (triệu CP) 80.7 (-0.4%)
GTGD (triệu US\$) 60.6 (-11.5%)

UPCoM 92.84 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 51.0 (+28.0%)
GTGD (triệu US\$) 33.4 (+22.9%)

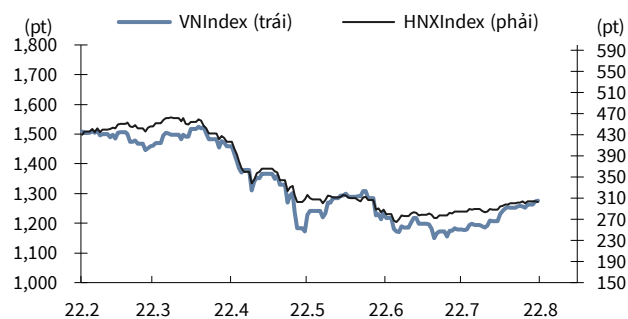
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +21.9

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên với thanh khoản thị trường đi ngang trước sự dẫn dắt của nhóm bán lẻ và thép trong khi nhóm ngân hàng có sự điều chỉnh trong phiên hôm nay. Khối ngoại mua ròng ở HPG (+2.3%), PVD (+0.3%), HDB (+0.2%).

Theo đại diện của Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), lạm phát đang khiến người dân các nước châu Âu và Mỹ giảm tiêu dùng, nhiều nhà nhập khẩu cho biết không đặt hàng từ nay đến hết tháng 10 trong khi nguồn nguyên liệu thủy sản trong nước đang có dấu hiệu sụt giảm về các tháng cuối năm, cổ phiếu thủy sản giảm giá ở ANV (-1.2%), VHC (-1.1%)

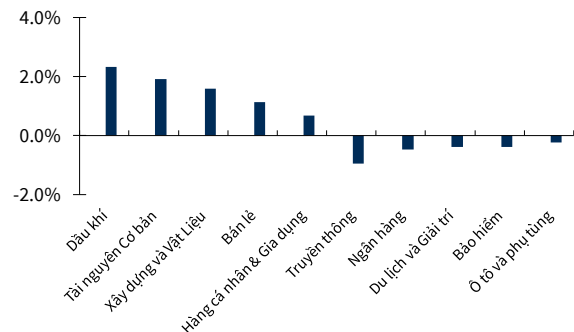
Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số "0" vào khu bến cảng container Cái Mép có tổng mức đầu tư dự án 1,414 tỷ đồng. Thông tin trên tác động tích cực đến nhóm cảng biển ở GMD (+1.3%).

VNIndex & HNXIndex



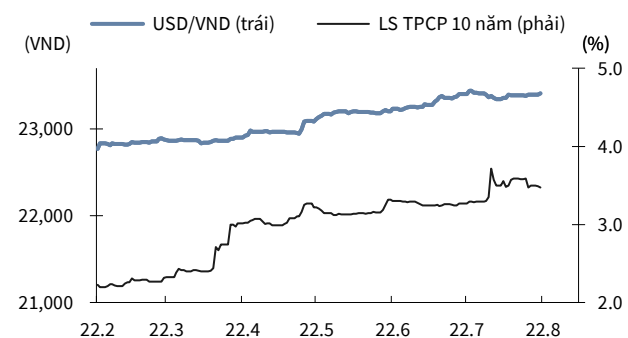
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

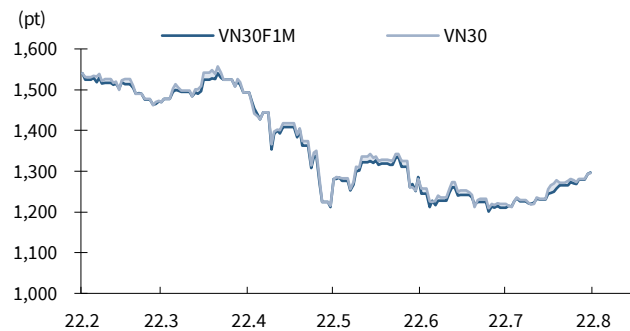
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,295.10 (+0.10%)
VN30F1M	1,296.9 (+0.30%)
Mở cửa	1,296.7
Cao nhất	1,297.5
Thấp nhất	1,291.4

Các HĐTL biến động giảm co trong phiên hôm nay. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 biến động trong biên độ hẹp trong khoảng -2.3 đến 2.11 điểm và đóng cửa ở mức 1.8 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với thanh khoản thị trường đi ngang.

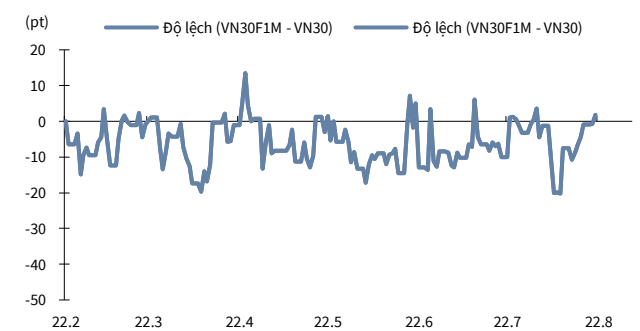
KLGD (HĐ)	190,035 (+2.0%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



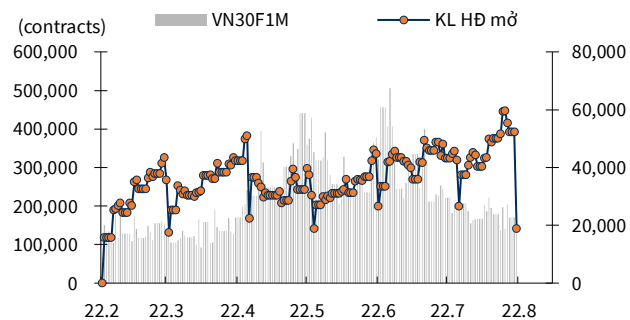
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



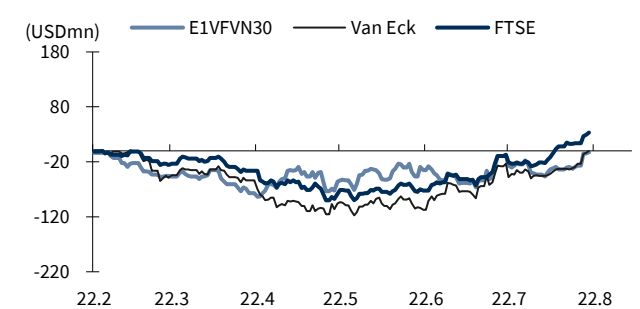
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

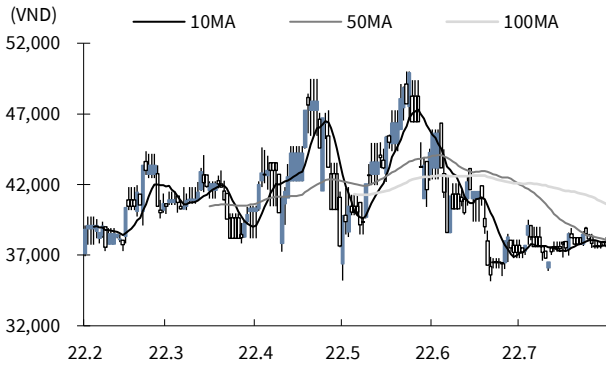
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Container Việt Nam (VSC)

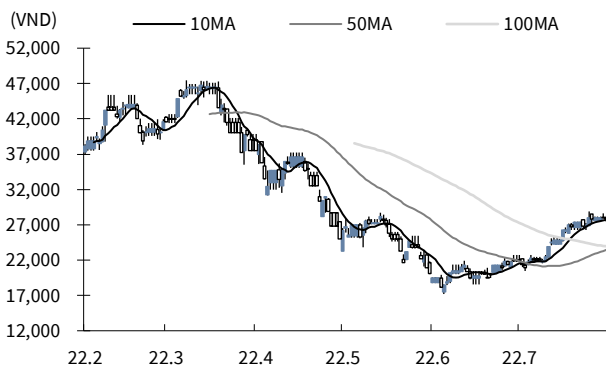


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VSC đóng cửa ở mức tham chiếu 37,700 VND/cp

- Tập đoàn Container Việt Nam dự kiến chào bán 40 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, tỷ lệ 33% với giá phát hành 20,000 VND/cp để mở rộng quy mô hoạt động thông qua việc gia tăng sở hữu tại các doanh nghiệp cùng ngành. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 1,213 tỷ đồng lên 1,613 tỷ đồng. Nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ cảng biển TTD và Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ xuất nhập khẩu Thái Bảo cùng mua 20 triệu cổ phiếu.

CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG giảm 0.36% xuống 27,900 VND/cp

- Tập đoàn Đất Xanh công bố kế hoạch sử dụng vốn của đợt phát hành 300 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế, tương ứng khoảng 6,959 tỷ đồng. Theo đó, số tiền thu được sẽ được đơn vị này sử dụng để mua 800 triệu cổ phần phát hành mới trong đợt tăng vốn của CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An.

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Kỳ vọng tạo đáy

Chuyên viên phân tích - Nguyễn Đình Thuận
(+84) 972637293
thuannd@kbsec.com.vn

16/08/2022

Doanh thu thuần 2Q2022 của Hòa Phát vẫn tăng so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận giảm mạnh

Triển vọng lợi nhuận Hòa Phát vẫn còn thách thức trong ngắn hạn

Đầu công tư kỳ vọng sẽ được đẩy mạnh giải ngân trong 6 tháng cuối năm 2022

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu HPG với giá mục tiêu 28,500 VNĐ/CP

Doanh thu và lợi nhuận quý 2 của Tập đoàn Hòa Phát đạt lần lượt là 37.174 tỷ đồng (+6% YoY), và 4.023 tỷ đồng (-58.7% YoY). Trong kỳ, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 1.041.000 tấn (+6% YoY). Chủ yếu tăng trưởng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát đến từ hoạt động xuất khẩu. Đây là dấu hiệu tích cực trong bối cảnh toàn ngành thép đang khá ảm đạm. Tuy nhiên, tiêu thụ các sản phẩm thép khác lại khiêm tốn hơn.

Giá thép xây dựng của Hòa Phát có đợt giảm giá liên tiếp 13 lần trong 3 tháng tính từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/08/2022, từ mức khoảng 19 triệu đồng/tấn xuống khoảng 15 triệu đồng/tấn. Giá than cốc, quặng sắt cũng lần lượt giảm 40% và 30% so với đầu tháng 04/2022. Chu kỳ tồn kho nguyên vật liệu giá cao gây áp lực lên biên lợi nhuận của Hòa Phát. Kết quả kinh doanh của HPG có thể tạo đáy trong 3Q2022.

Giải ngân đầu tư công kỳ vọng sẽ được thúc đẩy vào cuối năm với sự đôn đốc của Chính phủ trong bối cảnh giá nguyên vật liệu xây dựng giảm. Hòa Phát là một trong những doanh nghiệp được hưởng lợi khi cung cấp thép cho loạt dự án đầu tư công trọng điểm như dự án tuyến cao tốc Bắc - Nam, cầu Mỹ Thuận 2, cải tạo nâng cấp đường bay Tân Sơn Nhất,...

Chúng tôi điều chỉnh dự phóng doanh thu năm 2022 của HPG đạt 154,174 tỷ đồng (+3% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 20,623 tỷ đồng (-40% YoY). Với kỳ vọng giá nguyên vật liệu đầu vào giảm và việc đẩy mạnh đầu tư công từ Chính phủ, chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 28,500 VNĐ/CP, upside 19.11%.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	28,500 VNĐ
Tăng/giảm	19.11%
Giá hiện tại (Aug 15)	24,000 VNĐ
Giá mục tiêu đồng thuận	28,500 VNĐ
Vốn hóa (nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	131/5.7

Dự phóng KQKD & định giá

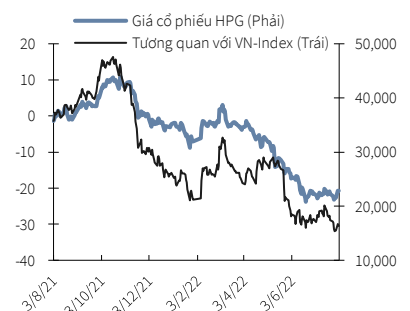
FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	63.658	90.119	149.680	154,174
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	9.031	15.289	37.008	22,090
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	7.578	13.506	34.521	20,623
EPS (VNĐ)	2.700	4.007	7.718	4.790
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	49%	89%	-41%
P/E (x)	20.29	13.67	6.01	6.7
P/B (x)	26.81	25.96	22.54	18.89
ROE (%)	16%	23%	37%	17%
Tỷ lệ cổ tức tiền mặt (%)	0%	5%	5%	5%

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VNĐ/triệu USD)	662/26
Sở hữu nước ngoài (%)	20.36%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	-24	-30	-36
Tương đối	-1	-22	-13	-29



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

16/08/2022

2Q2022, LNTT tăng 75.8%YoY, đạt 5,986 tỷ VND.

Lợi suất cho vay hồi phục tốt giúp NIM tiếp tục cải thiện 13bpsQoQ, đạt 5.74%.

Tín dụng và huy động đi ngang trong quý 2

Tỷ lệ nợ xấu quý 2 tăng 20bps lên mức 1.2%.

Chốt quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% vào ngày 23/8.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 37,300 VND/cp

MBB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 2 đạt 8,969 tỷ VND (+6.9%QoQ và +36.7%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 2,252 tỷ VND (-4.7%QoQ và -30.6%YoY). Chi phí dự phòng rủi ro đạt 1,374 tỷ VND, giảm mạnh 43.4% so với cùng kỳ. Nhờ cắt giảm chi phí dự phòng mà lợi nhuận trước thuế quý 2 tăng mạnh 75.8%YoY, đạt 5,986 tỷ VND trong khi tổng thu hoạt động chỉ tăng khoảng 25.7%YoY.

Lợi suất đầu ra bình quân 2Q2022 đạt 7.99%, tăng 19bps QoQ với đóng góp chính đến từ cho vay khách hàng (+23bpsQoQ). Lãi suất bình quân đầu ra chỉ tăng nhẹ 8bps QoQ nhờ tỷ lệ CASA tăng trở lại trong quý 2. Biên lãi thuần NIM từ đó tăng 13bps QoQ, đạt 5.74%

Tính đến cuối quý 2 tăng trưởng tín dụng và huy động lần lượt đạt 14.7% và 7.9% - tương đương so với cuối quý 1 do ngân hàng đã sử dụng hết room tín dụng được giao. Huy động từ tiền gửi vẫn khả quan trong khi ngân hàng cắt giảm huy động từ thị trường liên ngân hàng do lãi suất đang có xu hướng tăng cao. LDR đạt 75.4% - vẫn đảm bảo dư địa tăng cho vay

Tỷ lệ nợ xấu quý 2 tiếp tục tăng khoảng 20bps QoQ lên mức 1.2%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu dù giảm xuống 221.4% nhưng vẫn thuộc top đầu ngành. Số dư nợ tái cơ cấu tính đến cuối quý 2 còn khoảng 3.3 nghìn tỷ VND (-29.8%QoQ).

MBBank sẽ phát hành 755,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20%, và sẽ chốt quyền nhận cổ tức vào ngày 23/8/2022. Ngoài ra ngân hàng sẽ tiếp tục kế hoạch phát hành riêng lẻ cho Viettel, ESOP và chào bán 65 triệu cổ phiếu riêng lẻ. Việc tăng vốn là cần thiết để đảm bảo CAR khi tăng trưởng tín dụng cao hơn.

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu MBB là 37,300 VND/cp, cao hơn 36.4% so với giá tại ngày 15/08/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 37,300
Tăng/giảm	36.4%
Giá hiện tại (15/08/2022)	27,350
Giá mục tiêu thị trường	39,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	101,070

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	20,278	26,200	34,486	42,988
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	16,807	24,557	29,830	37,726
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,263	12,697	17,796	22,238
EPS	2,993	3,362	3,768	3,924
Tăng trưởng EPS (%)	-16.8%	12.3%	12.1%	4.1%
PER (x)	8.95	9.71	9.65	9.27
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,463	16,150	18,769	18,196
PBR (x)	1.53	2.02	1.94	2.00
ROE (%)	19.1%	23.5%	24.3%	23.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	18%	35%	25%	20%

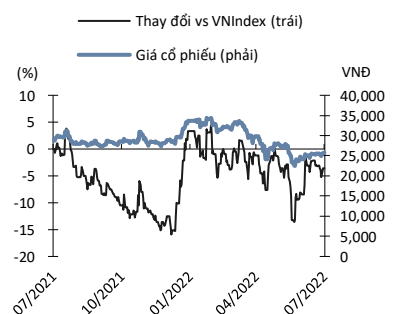
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	59.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	209.02
Sở hữu nước ngoài (%)	23.24%
Cơ cấu cổ đông	Viettel (18.5%) SCIC (9.42%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0.6	6.4	-19.8	-13.3
Tương đối	-1.4	4.4	-2.2	-2.5

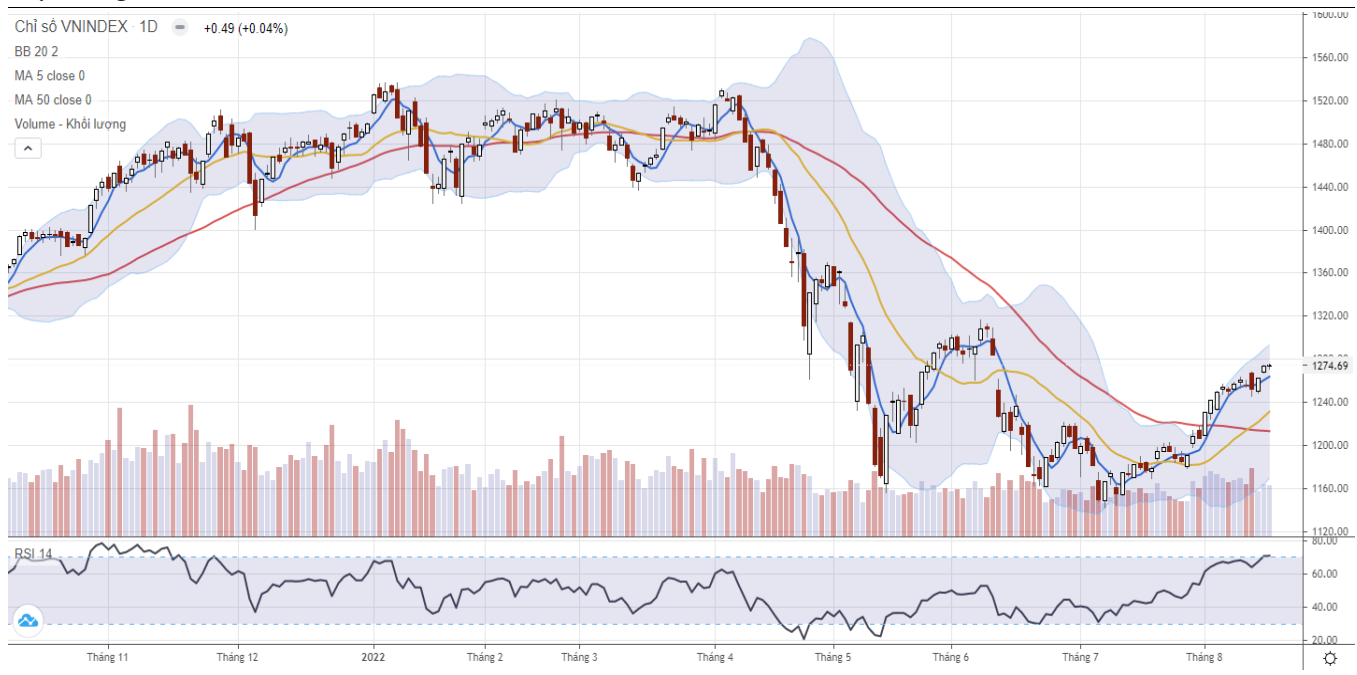


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

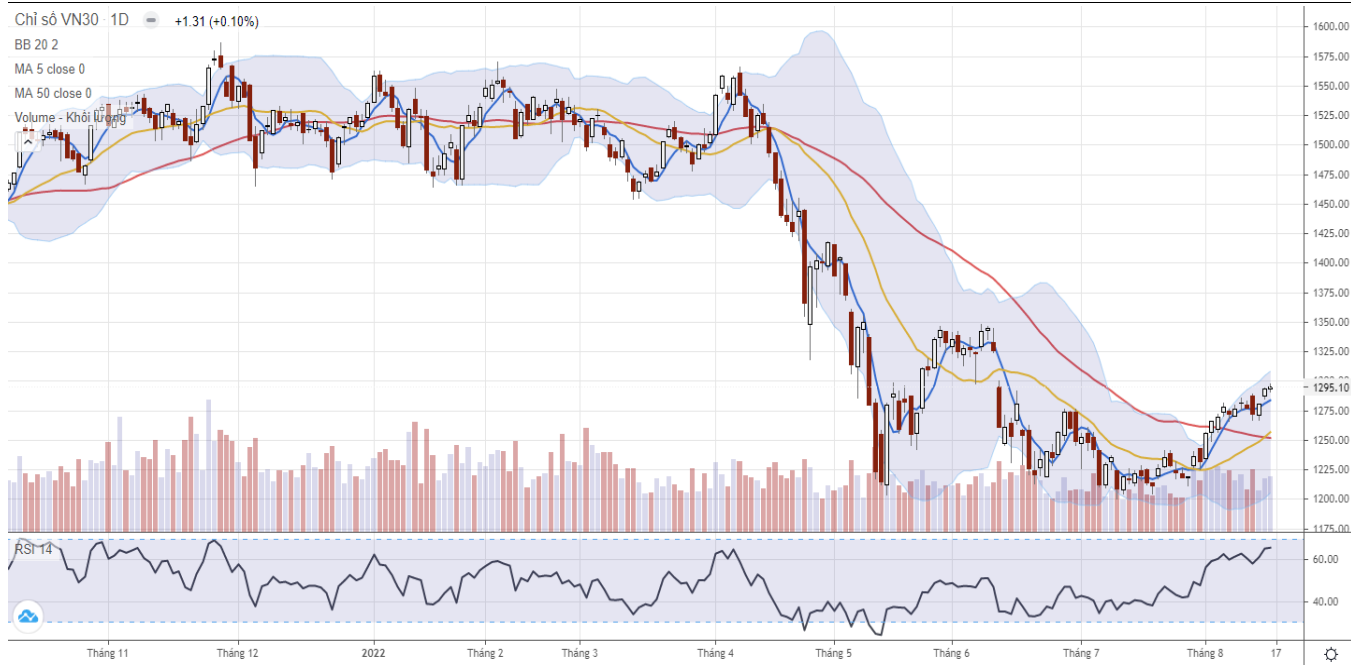
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



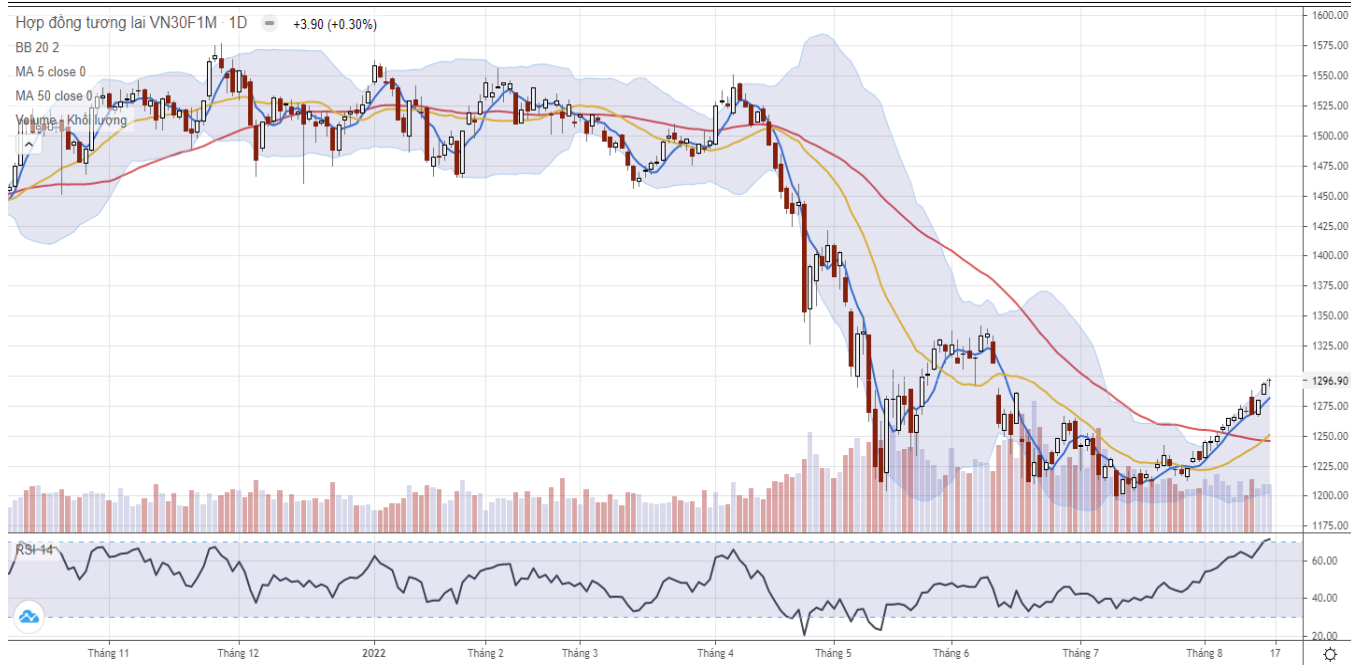
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp và hình thành mẫu nến spinning top về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên tiếp giúp cho chỉ số tránh được nhịp giảm sâu. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, vùng cản gần quanh 127x sẽ tiếp tục gây áp lực rung lắc lên chỉ số và rủi ro điều chỉnh sẽ càng trở nên rõ nét hơn nếu xuất hiện các phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGĐ.
- NĐT được khuyến nghị tránh các quyết định mua đuổi, linh hoạt bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1308 - 1310

Kháng cự gần: 1299 - 1302

Hỗ trợ gần: 1281 - 1285

Hỗ trợ xa: 1271 - 1274

- F1 diễn biến giằng co trong biên độ hẹp và hình thành mẫu nến dragonfly doji về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên tiếp giúp cho chỉ số tránh được nhịp giảm sâu. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, vùng cản gần quanh 129x sẽ tiếp tục gây áp lực rung lắc lên chỉ số và rủi ro điều chỉnh sẽ càng trở nên rõ nét hơn nếu xuất hiện các phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGĐ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Kê bán thăm dò một phần tỷ trọng tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

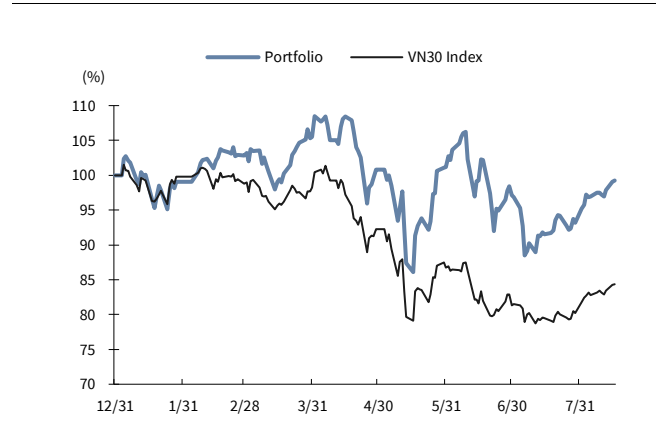
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.10%	0.14%
Tăng lũy kế (YTD)	-15.67%	-0.79%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	66,000	1.5%	70.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,900	-2.4%	-12.6%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	115,000	0.3%	50.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	187,000	0.5%	-2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	84,200	0.7%	184.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	88,700	-0.2%	265.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,200	-0.8%	54.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,500	-0.4%	54.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,550	2.3%	120.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,250	-0.1%	272.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	2.3%	20.2%	450.8
PVD	0.3%	5.1%	57.3
HDB	0.2%	17.4%	35.6
NVL	1.5%	5.7%	26.8
VND	0.0%	18.6%	23.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TLG	2.9%	23.8%	-24.7
DCM	0.2%	8.9%	-27.6
DGC	0.5%	14.0%	-20.8
VCB	-0.4%	23.6%	-49.3
SSI	-0.6%	24.9%	-18.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.6%	2.2%	0.6
VCS	2.3%	3.1%	0.5
HUT	-0.3%	1.0%	0.2
GMX	1.7%	4.8%	0.2
KSQ	2.6%	0.6%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	2.9%	4.9%	-3.6
BCC	4.4%	1.7%	-0.8
VTV	1.5%	0.7%	-0.4
TMB	4.6%	0.2%	-0.2
NTP	0.2%	17.8%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	4.9%	MWG, DGW
Xây dựng và Vật Liệu	4.2%	VGC, CII
Dầu khí	3.6%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	3.1%	SVC, DRC
Công nghệ thông tin	2.8%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.9%	YEG, PNC
Hóa chất	-1.3%	GVR, DGC
Du lịch và Giải trí	-1.2%	VJC, SCS
Bảo hiểm	-0.8%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%	PNJ, MSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	15.1%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	14.3%	VGC, CII
Bán lẻ	11.9%	MWG, DGW
Tài nguyên Cơ bản	10.6%	HPG, HSG
Ngân hàng	9.7%	VCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	1.7%	PGI, MIG
Y tế	1.8%	IMP, TRA
Truyền thông	2.2%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	3.2%	VJC, TCT
Hóa chất	4.9%	GVR, DGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	66,274 (2.8)	22.5	274.6	106.5	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	-0.8	0.9	-5.3	-30.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	125,832 (5.4)	26.6	8.6	7.2	35.9	21.6	21.6	1.8	1.5	-0.3	0.7	2.2	-25.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	40,410 (1.7)	17.8	28.9	18.9	-7.6	8.1	10.3	2.1	1.9	-0.8	2.6	11.8	-2.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	190,047 (8.1)	31.3	29.6	23.4	6.7	15.1	16.4	4.0	3.5	1.5	-0.4	12.8	-8.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,665 (1.3)	11.6	20.0	17.1	13.7	12.9	16.3	2.4	2.0	0.1	1.3	6.9	-16.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	239,656 (10.2)	13.9	14.9	14.7	-	13.5	11.6	1.7	1.6	-0.4	3.3	27.1	-20.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	86,911 (3.7)	6.3	14.6	12.1	11.7	21.2	21.5	2.8	2.3	-0.4	0.9	12.7	3.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	66,666 (2.9)	12.7	15.5	12.6	-5.3	15.7	17.1	2.1	1.8	-1.2	4.8	13.1	9.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	161,744 (6.9)	0.0	6.3	5.4	14.3	20.8	19.9	1.2	1.0	-0.3	-0.4	8.0	-22.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	119,295 (5.1)	1.4	7.7	6.3	50.3	18.1	20.5	1.3	1.1	-0.8	1.4	8.1	-13.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	338,020 (14.5)	0.0	7.4	6.9	18.8	20.7	17.2	1.4	1.1	-0.7	-0.3	6.7	-15.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	203,417 (8.7)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	-0.4	-0.4	7.1	-5.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	50,267 (2.1)	4.2	7.3	6.0	23.3	22.9	22.3	1.4	1.2	0.2	4.8	11.7	-14.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	329,417 (14.1)	14.0	12.3	8.1	26.5	11.5	15.5	1.3	1.1	-0.4	1.2	11.1	-18.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	62,260 (2.7)	0.0	10.4	6.1	37.4	22.3	22.4	1.4	1.1	-0.3	0.9	6.5	-29.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,673 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	0.0	-0.7	-3.1	-11.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	66,827 (2.9)	21.0	18.0	14.8	15.8	9.0	11.9	1.8	1.7	-0.7	-1.4	1.8	2.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,551 (0.3)	14.2	14.9	12.1	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	2.7	2.9	6.3	-30.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	459,497 (19.6)	55.4	8.9	8.3	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	-0.6	-0.8	16.6	-49.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	248,045 (10.6)	71.9	10.2	9.8	-4.0	24.7	20.6	2.1	1.9	0.9	-0.8	23.2	-35.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	210,679 (9.0)	52.4	9.5	9.2	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.1	-0.7	10.7	-41.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	473,886 (20.3)	27.2	9.6	8.2	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	0.0	-0.4	18.8	-32.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	137,352 (5.9)	42.1	16.8	15.4	4.0	27.7	29.2	4.4	4.3	0.4	-0.3	0.3	-16.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,113 (1.3)	36.9	27.6	23.3	7.3	20.4	21.5	5.1	4.6	1.1	4.3	22.1	24.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	84,790 (3.6)	16.5	25.4	20.3	-51.9	17.4	19.2	4.0	3.4	0.5	3.6	7.7	-23.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	99,362 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.8	6.7	14.8	-40.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	68,442 (2.9)	11.0	51.4	18.1	-88.5	8.5	19.9	-	-	-0.8	-2.4	-1.0	-3.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	61,125 (2.6)	10.8	19.4	15.8	-57.0	12.1	13.5	2.3	2.1	1.3	1.5	8.6	12.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	136,504 (5.8)	38.4	8.8	43.2	65.7	14.1	2.6	1.2	1.2	7.0	20.1	30.0	-45.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	21,203 (0.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	1.2	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	223,804 (9.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.0	0.8	15.6	-40.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,844 (2.2)	3.6	66.5	17.9	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	7.0	5.6	14.2	-38.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	91,983 (3.9)	0.0	12.7	11.5	-4.5	16.0	14.2	1.9	1.9	0.7	4.7	8.1	40.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	62,375 (2.7)	46.1	15.6	15.6	-17.5	24.4	22.6	3.7	3.4	-0.4	1.3	16.4	18.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	34,573 (1.5)	31.4	11.4	10.7	-10.5	16.6	16.0	1.7	1.6	-0.8	-0.9	10.5	0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,215 (0.1)	34.1	29.2	12.3	-5.1	6.5	14.9	1.2	1.1	0.3	-0.8	3.5	-25.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	719,095 (30.7)	18.0	5.5	5.4	21.9	27.7	22.0	1.2	1.0	2.3	1.9	5.8	-31.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	127,124 (5.4)	36.5	4.7	7.5	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	-0.2	-1.8	-5.2	-4.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	117,182 (5.0)	46.5	6.1	8.4	-4.5	36.3	21.7	1.8	1.7	0.2	-1.5	10.1	-10.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	193,919 (8.3)	38.9	4.5	5.2	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	0.9	5.8	19.5	-41.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	68,928 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.8	-0.8	5.9	-37.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	43,421 (1.9)	4.6	20.2	16.5	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	2.7	2.7	8.7	-19.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	123,069 (5.3)	39.9	84.4	18.0	-11.9	0.9	4.4	0.8	0.8	0.3	8.5	25.3	-14.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	40,446 (1.7)	35.9	8.2	7.4	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	-0.5	-0.7	10.5	-12.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	203,618 (8.7)	0.0	16.0	13.4	14.4	25.7	25.8	3.3	2.6	1.5	4.3	7.3	-2.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	64,654 (2.8)	0.0	16.6	13.6	2.4	24.6	23.5	3.2	2.6	0.3	-1.5	1.3	19.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,906 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.0	-6.7	-3.2	-10.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	135,056 (5.8)	30.3	18.5	16.0	-75.2	30.0	27.0	4.9	3.9	-1.9	7.5	17.5	28.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	41,559 (1.8)	34.6	9.4	12.1	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	-0.6	-0.3	7.2	-3.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	903 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.9	2.5	-0.5	-0.8	4.1	-18.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	153,728 (6.6)	0.0	18.5	15.2	15.5	26.7	28.4	4.7	4.0	-0.2	2.9	7.9	14.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.